

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ T
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2017/DSST

Ngày: 06 - 9 - 2017

V/v tranh chấp “Đòi tài sản thừa kế
là quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy
giấy chứng nhận QSD đất và đòi lại
quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Văn Chiến**

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Sức**

2. Bà **Nguyễn Thị Kim Chi**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Minh Cảnh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T tham gia phiên tòa: Ông **Phan Thành Thừa** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2017, về tranh chấp “Đòi tài sản thừa kế là quyền sử dụng đất”, “ Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” và “ Đòi lại quyền sử dụng đất”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2017/QĐST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

[1] Nguyên đơn:

[1.1]. Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1962;

[1.2]. Bà **Trần Kim E** sinh năm 1949;

Cùng trú tại tổ 02, ấp Hòa H 1, xã Hòa L, huyện Phú T, tỉnh An Giang;

[1.3]. Ông **Trần Văn Ngh** , sinh năm 1955;

Trú tại tổ 02, ấp Hòa L, xã Hòa L, huyện Phú T, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Ngh: có ông **Nguyễn Thái B**, sinh năm 1966; Trú tại số 05, đường Trương Đ, khóm Bình K 1, phường Bình K, thành phố Long X, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 03/01/2014).

[1.4]. Ông **Trần Văn Ng**, sinh năm 1947;

Trú tại tổ 15, ấp Khánh Ph, xã Khánh H, huyện Châu P, tỉnh An Giang.

[1.5]. Ông **Trần Văn L**, sinh năm 1942;

Trú tại số 23, tổ 04, ấp Khánh M, xã Khánh H, huyện Châu P, An Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Liệp: có ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1962; cư trú tại tổ 02, ấp Hòa B1, xã Hòa L, huyện Phú T, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 31/7/2017)

[2] *Bị đơn*: Bà **Võ Thị T**, sinh năm 1946;

Trú tại số 347, tổ 7, ấp Hòa L, xã Hòa L, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

[3] *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

[3.1]. Ủy ban nhân dân huyện **Phú T**, do ông **Dương Văn C** – Chủ tịch UBND huyện làm đại diện. Địa chỉ: số 155A Hải Thượng Lãn Ông, ấp Th 2, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của UBND: có ông **Phan Văn Ch**, Phó Chủ tịch UBND huyện Phú T, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền số 63/GUQ.UBND ngày 08/9/2016); Địa chỉ: số 155A Hải Thượng Lãn Ông, ấp Th 2, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện Phú T là ông **Đỗ Thanh T** chức vụ Phó Trưởng phòng TN – MT huyện Phú T.

[3.2] Anh **Lý Anh H** sinh năm 1972, chị **Lý Thị Ngọc D**, sinh năm 1974, anh **Lý Huy (C) H**, sinh năm 1976, chị **Lý Thanh T**, sinh năm 1979, chị **Lý Trần Thị Cẩm T**, sinh năm 1986;

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của D, H, T, T: có anh **Lý Anh H**, sinh năm 1972 (văn bản ủy quyền ngày 24/3/2014).

Cùng trú tại tổ 03, ấp Hòa L, xã Hòa L, huyện Phú T, tỉnh An Giang;

[3.3]. Anh **Lý Thanh H**, hiện đang điều trị bệnh tâm thần tại Trung tâm điều dưỡng Thương binh và người có công Long Đ, thuộc tỉnh Bà R - Vũng T.

Người đại diện hợp pháp cho anh H: có ông **Lý Hoàng B**, sinh năm 1945 (là cha ruột H); Trú tại ấp Hòa H 1, xã Hòa L, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

[3.4]. Ông **Lý Hoàng B**, sinh năm 1945; Trú tại ấp Hòa H 1, xã Hòa L, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

[3.5]. Bà **Võ Thị S**; anh **Trần Văn Th**, anh **Trần Văn Ng**, chị **Trần Thị Thu Tr**, chị **Trần Thị Thu Ng**, chị **Trần Thị Tuyết M**, chị **Trần Thị Mỹ H**;

Người đại diện theo ủy quyền của Th, Ng, Tr, Ng, Mai, H: có bà **Võ Thị S** (văn bản ủy quyền ngày 24/3/2014).

Cùng trú tại ấp Hòa H 1, xã Hòa L, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

[3.6]. Anh **Trần Tri Bình Ph**, anh **Trần Thanh T**, chị **Trần Thị Phương Tr**, chị **Trần Thị Kim Ch**, chị **Trần Thị Mỹ Phư** và anh **Trần Thanh P**;

Người đại diện theo ủy quyền của Ph, T, Tr, Chi, Phư, Pho: có bà **Võ Thị T** (văn bản ủy quyền ngày 29/01/2013)

(ông Đ, bà E, ông B, ông Ngh, anh H, bà S và bà T có mặt; ông Ch, anh T, ông B, ông B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện, qua thu thập chứng cứ, diễn biến tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn Đ vừa đại diện cho ông Trần Văn L, bà Trần Kim E, anh Nguyễn Thái B (đại diện cho ông Trần Văn Ngh), ông Trần Văn Ng cùng thống nhất trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông, bà nội (không biết họ tên) để lại cho cha Trần Văn C (chết năm 2011) và mẹ Huỳnh Thị G (chết năm 2004) để lại cho các con. Cha mẹ có 8 con chung gồm: Trần Văn Đ; Trần Kim E; Trần Văn Ngh; Trần Văn Ng; Trần Văn L; Trần Văn Kh (đã chết, là chồng bà T, có 06 con chung gồm Trần Tri Bình Ph, Trần Thanh T, Trần Thị Phương Tr, Trần Thị Kim Ch, Trần Thị Mỹ Phư, Trần Thanh Ph)ơ; Trần Kim A (chết, chồng Lý Hoàng B, có 08 người con gồm Lý Thanh H, Lý Anh H, Lý Thị Ngọc D, Lý Huy (C) H, Lý Thanh T, Lý Thị Thanh Ng (chết lúc còn nhỏ, không chồng, không con), Lý Thị Mai Th (chết lúc nhỏ, không chồng, không con) và Lý Trần Thị Cẩm T); Trần Văn B (chết, vợ Võ Thị S, có 06 người con gồm Trần Thị Thu Ng, Trần Thị Tuyết M, Trần Văn Ng, Trần Thị Thu Tr, Trần Văn Th, Trần Thị Mỹ H).

Vào khoảng năm 1977 – 1978, khi cha mẹ còn sống có cho vợ chồng ông Kh, bà T cất nhà ở tạm trên phần đất cha mẹ khoảng 300m², khi nào không có nhu cầu ở thì trả lại và sau này bà T lấn thêm 200m² (việc cho ở tạm chỉ bằng miệng, không giấy tờ). Năm 1988, ông Kh chết, bà T tiếp tục ở trên đất đến năm 2007 thì bà T tự ý kê khai xin cấp quyền sử dụng diện tích 1.768m² đất lúa, đến khoảng năm 2008 bà T tháo dỡ, di dời toàn bộ căn nhà cùng các vật kiến trúc trên đất để đến ấp Hòa L, xã Hòa L sinh sống, nhưng bà lại không giao trả phần đất trên cho anh em ông Kh quản lý mà có ý định bán đi; Việc bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ai hay biết.

Nay yêu cầu bà T trả lại diện tích 1.489m² (nằm trong diện tích đất 1.768m²) hương quả là di sản của cha mẹ để lại chưa chia cho anh em quản lý và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01083 1C ngày 12/11/2007 đã cấp cho bà T.

Trên đất không có vật kiến trúc chỉ có trồng cỏ, và các loại cây trên đất; Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết cũng như không yêu cầu xem xét giá trị hay bồi hoàn các chi phí trang trải, cải tạo, tu bổ đất.

Đối với diện tích đất 279m² đất nằm trong diện tích 1.768m², do bà S sử dụng, nay bà T đòi các anh em cũng không đồng ý, vì nguồn gốc đất này là của cha mẹ chưa chia.

- Bị đơn **Võ Thị T** trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp của cha mẹ chồng cho vợ chồng từ năm 1977 (cho bằng miệng, không giấy tờ), sử dụng liên tục đến năm 1988 chồng Trần Văn Kh chết, bà tiếp tục quản lý và canh tác, đào ao nuôi cá, do nuôi cá bị thất bại nên bà sang lấp lại để làm rẫy (hiện trạng hiện nay là đất trống, không có các vật kiến trúc nào, chỉ có các cây trên đất). Đến năm 2007 Nhà nước thông báo đo đạc đại trà để cấp giấy chứng nhận, bà tiến hành đăng ký, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.768m² (giấy đất hiện bà đang giữ, không thể chấp cho ai).

Bà và ông Kh có 06 con chung gồm: Trần Tri Bình Ph, Trần Thanh T, Trần Thị Phương Tr, Trần Thị Kim Ch, Trần Thị Mỹ Phư, Trần Thanh Pho.

Nay không đồng ý trả đất theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn vì đây là đất của vợ chồng đã được cha mẹ chồng cho và sử dụng ổn định 40 năm.

Hiện nay, bà đang quản lý sử dụng toàn bộ diện tích 1.489m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà được đứng tên 1.768m², phần còn lại bà S đang quản lý sử dụng 279m², trước đây khi tranh chấp bà có đòi bà S phần đất này, nhưng sau đó có đơn rút lại yêu cầu, khi nào không giải quyết được bà khởi kiện sau

Trên diện tích đất 1.489m² có các tài sản như: 3 cây me chua, 2 cây me nước + 1 bụi me nước có 5 tược, 3 cây còng, 4 cây cò ke, 1 cây gạo, 8 cây bàng, 6 bụi chuối khoản 29 cây, 1 nền chuồng bò 3m x4m và phần đất trống trồng cỏ do bà đang quản lý, các chi phí như đào ao nuôi cá, san lấp mặt bằng, công cải tạo, trang trải, tu bổ đất và tất cả các cây và tài sản trên đất, nếu ai được sử dụng đất thì được sử dụng toàn bộ số cây này, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ngoài ra, trên đất không còn vật kiến trúc nào khác.

Trên diện tích đất 279m² hiện nay do bà S đang quản lý sử dụng có các cây gồm: 02 bụi tre, 01 cây còng, 01 cây me nước, nếu ai được sử dụng đất thì được sử dụng toàn bộ số cây này, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ngoài ra, trên đất không có tài sản nào khác.

Bà không đồng ý về yêu cầu của các nguyên đơn đòi hủy giấy của bà, bà khẳng định việc Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà là hoàn toàn đúng pháp luật, đúng đối tượng.

Các đương sự không yêu cầu chia di sản thừa kế. Ngoài ra, không có ý kiến, yêu cầu khác.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân huyện Phú T do ông Phan Văn Ch đại diện trình bày: Ngày 14/9/2007, bà Võ Thị T làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân xã Hòa L xét duyệt ngày 23/10/2007 và lập thủ tục đề nghị UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị T diện tích 1.768m², thửa số 563, tờ bản đồ số 37, được UBND huyện Phú T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01083 LC ngày 12/11/2007. Nguồn gốc đất là của cha mẹ để lại sử dụng trước năm 1990.

Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01083 LC ngày 12/11/2007, diện tích 1.768m², thửa số 563, tờ bản đồ số 37 cấp cho bà Võ Thị T thực hiện đúng quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho UBND huyện trình bày: việc cấp giấy chứng nhận cho bà Võ Thị T là đúng trình tự, thủ tục, đúng đối tượng, được niêm yết công khai cùng với 543 hộ khác cùng thời điểm, do đó việc hủy giấy hay thu hồi giấy là không đủ cơ sở, do đó vẫn giữ nguyên giấy đã cấp cho bà T.

2/ Ông Lý Anh H vừa đại diện theo ủy quyền của các anh, chị em trình bày thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn, không có ý kiến bổ sung, không yêu cầu gì khác.

3/ Bà Võ Thị S vừa đại diện cho các con trình bày thống nhất như yêu cầu của nguyên đơn. Riêng phần đất bà T đã kiện đòi bà, nay rút yêu cầu, bà không có ý kiến, nếu có tranh chấp bà xác định đất đó trả lại cho đất hương quả, Nay bà không có tranh chấp.

4/Bà Võ Thị T đại diện cho các con trình bày: Nếu các nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong 8 dòng con để thừa hưởng tài sản trong đó có đất của cụ C và cụ G thì có các con của bà cũng bằng quyền với 7 dòng con khác, mà nay 7 dòng con, cháu kiện đòi tài sản của cụ C và cụ G thì các con của bà không đồng ý, vì phần đất tranh chấp đã cho vợ chồng bà sử dụng từ năm 1977 đến nay đã 40 năm và được cấp giấy 10 năm, do đó không đồng ý các yêu cầu của nguyên đơn.

5/ Ông Lý Hoàng B vừa đại diện anh Lý Thanh H trình bày: Ông là chồng bà Trần Kim A (chết năm 2012), hôn nhân được xác lập từ khoảng năm 1969 đến nay, có làm giấy kết hôn nhưng do thời gian quá lâu nay đã thất lạc, không tìm lại được; ông và bà A có 06 con chung gồm: Lý Thanh H (đang bị bệnh tâm thần), Lý Anh H, Lý Thị D, Lý H (C) H, Lý Thanh T, Lý Trần Thị Cẩm T, ngoài ra không có con chung nào khác, không có con nuôi hay con ngoài giá thú.

Trong 06 người con, có Lý Thanh H đi nghĩa vụ quân sự, bị thương và nay bị bệnh tâm thần, ông là người đại diện cho H làm thủ tục và nhận trợ cấp của Nhà nước theo quy định pháp luật, nay H đang điều trị bệnh tại Trung tâm an dưỡng thương binh và người có công Long Đ thuộc tỉnh Bà R - Vũng T. Nay ông có ý kiến như sau: Việc tranh chấp đất nêu trên như thế nào ông hoàn toàn không biết, không có ý kiến tranh chấp gì, cũng không yêu cầu gì, cũng không liên quan đến tranh chấp trên. Ông tôn trọng tất cả các quyết định của Tòa án và tôn trọng tất cả các quyết định của các cơ quan có thẩm quyền, cam kết sẽ thực hiện đúng các quyết định của cơ quan có thẩm quyền, không tranh chấp gì. Ngoài ra, không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng như sau:

Về tố tụng: Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án cũng như ban hành văn bản tố tụng, cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng đúng quy định; Tuy nhiên các đương sự xin vắng mặt đã có lời trình bày nêu rõ ý kiến việc vắng họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Các nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận do bị đơn đứng tên, nhận thấy bà T là chị dâu lớn nhất của các anh chị em của ông Đ; bà T cùng chồng là ông Kh được cha mẹ giao phần đất mà các bên tranh chấp từ năm 1977 đến nay, quá trình sử dụng và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận, đối chiếu quá trình sử dụng được các bên thừa nhận, quy trình cấp giấy chứng nhận được công khai niêm yết tại thời điểm lập thủ tục cấp giấy không phát sinh tranh chấp, hiện tại cơ quan có thẩm quyền khẳng định việc cấp giấy cho bà T là đúng trình tự và đúng đối tượng do đó yêu cầu đòi lại đất và yêu cầu hủy giấy của nguyên đơn đối với bị đơn là không có căn cứ, đề nghị hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét.

Về rút yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà S, đây là ý chí tự nguyện của bà T đề nghị HĐXX ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phan Văn Ch, anh Đỗ Thanh T và ông Lý Hoàng B có yêu cầu được vắng mặt khi xét xử, các ông đã cung cấp lời trình bày rõ ý kiến, yêu cầu của mình và việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa ông Nguyễn Thái B là người đại diện cho ông Trần Văn Ngh sau khi Hội đồng xét xử, xét hỏi qua 1 lượt và tạm dừng để hội ý thì ông B bỏ về không có lý do, coi như ông B vắng mặt tại phiên tòa.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Võ Thị T và phần đất các bên tranh chấp có địa chỉ xã Hòa L, huyện Phú T, nên Tòa án nhân dân huyện Phú T thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 9 Điều 26 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: các nguyên đơn cho rằng phần đất mà bị đơn được cấp giấy và quản lý là của cha, mẹ để lại bị đơn không phải hàng thừa kế nên yêu cầu trả lại diện tích đất 1.489m² và yêu cầu hủy giấy do bị đơn đứng tên, bên cạnh bị đơn có yêu cầu độc lập yêu cầu bà Võ Thị S trả lại diện tích đất 279m² nằm trong tổng diện tích 1.768m² do bị đơn đứng tên; nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Đòi tài sản thừa kế là quyền sử dụng đất”, “ Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” và “ Đòi lại quyền sử dụng đất”.

[2] Về nội dung vụ án: Xét lời khai đương sự, đối chiếu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi, tranh luận, đối chất công khai tại phiên tòa thì thấy cụ ông Trần Văn C (chết năm 2011), cụ bà Huỳnh Thị G (chết năm 2004) có các con cháu đều là những người tham gia tố tụng trong vụ án. Các bên đều thống nhất đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ C và cụ G để lại giao ông Kh, bà T quản lý, sử dụng từ khoảng năm 1977 - 1978 đến nay. Các nguyên đơn khẳng định do bà T quản lý nên mới khởi kiện đòi lại, xét quá trình sử dụng đất của bà T ổn định công khai, theo quy định của Luật đất đai năm 1987, Luật đất đai năm 1993, Luật đất đai năm 2003 và Luật đất đai năm 2013, phần đất này tiếp giáp phần đất của vợ chồng ông Trần Văn B và bà Võ Thị S, mà cụ C và cụ G chung sống với vợ chồng ông B

như vậy ít nhiều gì cũng biết được bà T sử dụng đất như thế nào, kể cả khi bà T đào ao nuôi cá cũng không có ai phản đối.

Về giấy chứng nhận đã cấp cho bà T tại phần đất đang tranh chấp, các bên đương sự cùng xác định giấy số H01083 IC cấp ngày 12/11/2007 có diện tích là 1.768m^2 , tại thửa 563, tờ bản đồ số 37, phù hợp với lời trình bày của đại diện UBND huyện Phú T, ngoài ra không có giấy chứng nhận nào khác.

Về quy trình cấp giấy cho bà T, các nguyên đơn cho rằng bà T tự kê khai đăng ký và cơ quan đăng ký cấp không đúng trình tự thủ tục, không đúng đối tượng, khi cấp giấy cho bà T các anh, em trong gia đình không ai hay biết. Qua thu thập chứng cứ, cũng như đối chiếu các lời trình bày của các bên đương sự, HĐXX nhận thấy bà T kê khai theo đúng mẫu biểu do cơ quan quản lý đất đai phát hành, ghi đầy đủ thông tin trong đơn xin cấp giấy, cơ quan tiếp nhận đã kiểm tra tính hợp lệ và tiến hành niêm yết công khai cùng với 543 hộ khác kê khai cùng thời điểm, được liệt kê tại số thứ tự 413 theo danh sách công khai ngày 19/10/2007, tại thửa số 1209, mà theo văn bản trả lời của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Phú T số 1338/CNPT - ĐK, ngày 26/8/2016, đây là số thửa tạm thời, sau đó thành thửa chính thức là 563, phù hợp với tài liệu được sao lục đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T ngày 14/9/2007 có ghi liền kề bên số thửa 563 là số 1209 và văn bản trình bày của đại diện UBND huyện Phú T. Cùng thời điểm này anh em của các nguyên đơn cụ thể là ông Trần Văn Ngh cũng được liệt kê trong danh sách công khai 19/10/2007 đánh số thứ tự là 406, có số thửa 357 diện tích 7.521m^2 và số thứ tự 407 thửa 356 có diện tích 841m^2 cùng tờ bản đồ số 37, Mặt khác diện tích đất của ông Trần Văn B và bà Võ Thị S liền kề phần đất tranh chấp cũng được kê khai đăng ký và được cấp giấy ngày 23/11/2007. Như vậy chứng tỏ các anh em của nguyên đơn đều biết việc bà T kê khai đăng ký diện tích đất đang tranh chấp, nhưng không phản đối, hay khiếu nại; Do đó lời nại của của các nguyên đơn không đúng sự thật khách quan của vụ án về quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất tranh chấp cho bà T nên yêu cầu này không được chấp nhận.

Về quyền đòi lại tài sản, trong tất cả 8 dòng con trong đó có con của ông Kh bà T cũng có quyền, nhưng những người này (do bà T làm đại diện) không đồng ý, phản đối việc đòi lại của các nguyên đơn, nên việc đòi lại quyền sử dụng đất 1.489m^2 của 7 dòng con là chưa đảm bảo về quyền bình đẳng của các hàng thừa kế, nhưng các nguyên đơn cương quyết đòi lại, Tòa án đã đưa các con cháu của cụ C và cụ G tham gia tố tụng đầy đủ vẫn đảm bảo quyền lợi của họ.

Tại phiên tòa các nguyên đơn cho rằng phải căn cứ vào bản án phúc thẩm số 169/2015/DS –PT, ngày 10/7/2015 để giải quyết. HĐXX xét thấy vụ án đã được xét xử sơ thẩm lần 1 và được cấp phúc thẩm xét xử lại hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và có định hướng cho cấp sơ thẩm khi giải quyết lại vụ án, khi kết quả thu thập chứng cứ tới đâu thì giải quyết đến đó cụ thể:

Trong thời gian giải quyết lại vụ án đã làm rõ yêu cầu của bà Võ Thị S, anh Lý Anh H (đại diện cho các anh, em khác) bằng các thông báo số 12 và số 13 ngày 06/7/2016, nhưng hai người này không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án, khi hòa giải và tại phiên tòa chỉ trình bày ủng hộ ý kiến của các nguyên đơn chứ không có yêu cầu cụ thể về quyền lợi gì;

Về giấy chứng nhận đã cấp cho bà T có diện tích 1.768m^2 hay 1.763m^2 HĐXX đã làm rõ chỉ có 1 giấy và được đại diện UBND huyện trình bày ý kiến tại văn bản ngày 08/9/2016 là diện tích 1.768m^2 đây là cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền ở cấp huyện và là cơ quan có thẩm quyền cấp giấy cho bà T tại thời điểm đó, các cơ quan khác trả lời trái với ý kiến này là không có giá trị pháp lý.

Về lý do tại sao giấy được cấp ngày 12/11/2007 mà bà T đem đi vay tiền vào ngày 05/4/2007, qua thu thập chứng cứ khi bà T vay tiền tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Phú T - Phòng giao dịch Hòa L, ngoài diện tích đất này (lúc này là biên nhận kê khai tạm thời) bà Tuyết còn thế chấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khác; Đây là giao dịch dân sự nếu bên nhận cho vay mà không thẩm tra, thẩm định thì hậu quả thu hồi không được tự gánh chịu không ảnh hưởng đến quy trình thủ tục hành chính khi công dân kê khai đăng ký đất.

Về quyền thừa kế: các đương sự đều cho rằng đất này có nguồn gốc của cụ C và cụ G đã giao cho ông Kh bà T sử dụng từ 1977 – 1978, đến khi cụ G chết 2004 thì phát sinh thừa kế, như vậy tài sản nào của cụ G thì được phân chia theo pháp luật thừa kế, còn ở đây ông Kh bà T quản lý liên tục 27 năm, trong thời gian này chính sách đất đai của Nhà nước trải qua nhiều giai đoạn không ai tranh chấp, phản đối, kể cả khi chính sách nhường cơm sẻ áo (bình quân nhân khẩu vào tập đoàn) cũng không thực hiện chính sách trên diện tích đất này, do đó đến thời điểm cụ G chết không còn là di sản của cụ G và cụ C.

Từ những nhận định trên yêu cầu đòi lại diện tích đất 1.489m^2 và hủy giấy chứng nhận đã cấp cho bà Võ Thị T diện tích đất này của các nguyên đơn không được chấp nhận.

Đối với các cây trên diện tích đất 1.489m² được liệt kê phần trên do các bên đương sự thỏa thuận ai được sử dụng đất thì người đó được quyền sở hữu cây và các bên không tranh chấp, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Về rút yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T đối với bà Võ Thị S, đòi lại diện tích đất 279m² nằm trong tổng diện tích 1.768m², tại thửa số 563, tờ bản đồ số 37, đây là ý chí tự nguyện của bà T, nên HĐXX chấp nhận theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về giá trị diện tích đất tranh chấp có giá 48.000đồng/m², không tranh chấp về giá, không yêu cầu định giá lại nên không đặt ra xem xét.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc diện tích đất tranh chấp do bà T đang quản lý, không cầm cố, thế chấp cho ai nên không đặt ra xem xét.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí:

[3.1] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của các nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng cụ thể: Chi phí đo đạc 646.744đ, chi phí thẩm định, định giá 1.500.000đ, tổng cộng 2.146.744 đồng (đã nộp đủ).

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của các nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu toàn bộ án phí là 3.573.600 đồng; Các đương sự khác không phải chịu án phí. Riêng bà Võ Thị T rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Võ Thị S nên số tiền tạm ứng án phí hoàn trả lại cho bà.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 157; khoản 6 Điều 165; Điều 228, Điều 244 ; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 203 Luật Đất đai 2013;

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 26, Điều 27 và Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đòi bị đơn trả 1.489m² đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H010831C ngày 12/11/2007 do bà Võ Thị T đứng tên.

Bác yêu cầu ông Trần Văn Đ, bà Trần Kim E, ông Trần Văn Ngh , ông Trần Văn Ng, ông Trần Văn L đòi bà Võ Thị T trả 1.489m² đất theo sơ đồ hiện trạng

khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Phú T lập ngày 06/9/2013, nằm trong 1 phần diện tích 1.768m², tại thửa số 563, tờ bản đồ số 37, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01083 IC ngày 12/11/2007 do bà Võ Thị T đứng tên.

- Chấp nhận việc bà Võ Thị T rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi bà Võ Thị S trả 279m² đất theo sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Phú T lập ngày 06/9/2013, nằm trong 1 phần diện tích 1.768m², tại thửa số 563, tờ bản đồ số 37, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01083 IC ngày 12/11/2007 do bà Võ Thị T đứng tên.

- Đình chỉ yêu cầu của bà Võ Thị T đòi bà Võ Thị S trả diện tích đất 279m².

- Về chi phí tố tụng: chi phí đo đạc, thẩm định và định giá là 2.146.744 đồng; ông Trần Văn Đ, bà Trần Kim E, ông Trần Văn Ngh, ông Trần Văn Ngh , ông Trần Văn L cùng liên đới chịu (đã nộp xong).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Trần Văn Đ, bà Trần Kim E, ông Trần Văn Ngh , ông Trần Văn Ng , ông Trần Văn L cùng liên đới chịu 3.573.600 đồng, khấu trừ 1.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 009873, 009874, 009875, 009876, 009877 ngày 24/6/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú T; ông Đ, bà E, ông Ngh , ông Ng , ông L còn phải nộp thêm 2.073.600 đồng.

+ Bà Võ Thị T không phải chịu án phí nên được nhận lại 420.000 đồng theo biên lai thu số 07287 ngày 24/4/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú T.

Các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phú T;
- Chi cục THADS huyện Phú T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÁ KÝ)**

Bùi Văn Chiến

